|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**  **ĐỀ CHÍNH THỨC** | **KIỂM TRA HỌC KỲ I – Năm học 2017 – 2018**  **Môn: Hóa học - Lớp 12 THPT** |
| **Thời gian :** **45 phút** *(không kể thời gian giao đề).*  *Số câu trả lời trắc nghiệm : 30 câu (đề có 03 trang)* |

*Học sinh làm bài bằng cách chọn và tô kín một ô tròn trên* ***Phiếu trả lời trắc nghiệm*** *tương ứng với phương án trả lời đúng của mỗi câu.*

|  |
| --- |
| **Mã đề 376** |

**Họ và tên thí sinh:……………………………………… Lớp:……………………………………….**

**Số báo danh: …………………. Phòng thi: …………... Trường: THPT ……………………………**

***Cho nguyên tử khối của các nguyên tố:***

***H =1, C = 12, N = 14, O = 16, Na = 23, Mg = 24, Al = 27, S =32, Cl = 35,5, K = 39, Ca = 40, Cr = 52, Fe=56, Cu = 64, Zn = 65, Ag = 108, Ba=137.***

1. Polime nào sau đây là polime thiên nhiên?

**A.** Polietilen. **B.** Cao su isopren. **C.** Tơ tằm. **D.** Nilon-6,6.

1. Cho các dung dịch: glucozơ, fructozơ, saccarozơ, hồ tinh bột. Số dung dịch hòa tan được Cu(OH)2 là

**A.** 1. **B.** 3. **C.** 2. **D.** 4.

1. Chất X có các đặc điểm sau: phân tử có nhóm OH, vị ngọt, hòa tan Cu(OH)2 ở nhiệt độ thường, không làm mất màu nước brom. Chất X là

**A.** Glucozơ. **B.** Tinh bột. **C.** Xenlunozơ. **D.** Saccarozo.

1. Loại vật liệu nào sau đây chứa nguyên tố nitơ ?

**A.** Cao su buna. **B.** Poli(vinyl clorua). **C.** tơ visco. **D.** tơ nilon–6.

1. Polime X tạo thành từ sản phẩm của phản ứng đồng trùng hợp stiren và buta-1,3-đien. Chất X là

**A.** polistriren. **B.** polibutađien. **C.** cao su buna-N. **D.** cao su buna – S.

1. Cho vào ống nghiệm 4 ml dung dịch lòng trắng trứng, 1ml dung dịch NaOH 10% và vài giọt dung dịch CuSO4 2%, lắc nhẹ thì xuất hiện

**A.** Kết tủa màu vàng. **B.** Dung dịch không màu.

**C.** Hợp chất màu tím. **D.** Dung dịch màu xanh lam.

1. Nhận định nào sau đây đúng ?

**A.** Trùng ngưng 3 phân tử amino axit thu được tripeptit.

**B.** Thủy phân tripeptit thu được 2 amino axit khác nhau.

**C.** Thủy phân hoàn toàn peptit thu được -amino axit.

**D.** Các protein đều dễ tan trong nước.

1. Dung dịch nào sau đây làm quỳ hóa hồng

**A.** H2NCH2COOH. **B.** H2N(CH2)4CH(NH2)COOH.

**C.** HOOC(CH2)2CH(NH2)COOH. **D.** H2NCH(CH3)COOH.

1. Este X được tạo thành từ axit axetic và ancol metylic có công thức phân tử là

**A.** C4H8O2.**B.** C4H10O2.**C.** C2H4O2. **D.** C3H6O2

1. Phát biểu nào sau đây đúng?

**A.** Mỡ động vật chủ yếu cấu thành từ các gốc axit béo chưa no.

**B.** Dầu mỡ sau khi rán có thể đường dùng để tái chế thành nhiên liệu.

**C.** Chất béo tan tốt trong nước và trong dung dịch axit clohiđric.

**D.** Hiđro hóa dầu thực vật lỏng thu được mỡ động vật rắn.

1. Chất nào sau đây **không** có phản ứng thủy phân?

**A.** Fructozo. **B.** Triolein. **C.** Saccarozo. **D.** Xenlunozo.

1. Nhận định nào sau đây đúng?

**A.** Các amin đều phản ứng với dung dịch HCl.

**B.** Các amin đều tan tốt trong nước.

**C.** Số nguyên tử H của amin đơn chức là số chẵn.

**D.** Các amin đều làm quỳ tím hóa xanh.

1. Amin nào sau đây là amin bậc ba ?

**A.** (C6H5)2NH. **B.** (CH3)2CHNH2. **C.** (CH3)3N.**D.** (CH3)3CNH2.

1. Chất nào sau đây thuộc loại đissaccarit?

**A.** Tinh bột **B.** Fructozơ. **C.** Saccarozơ. **D.** Xenlunozơ.

1. Phát biểu nào sâu đây **không** đúng ?

**A.** Chất béo có nhiều ứng dụng trong đời sống.

**B.** Phản ứng thủy phân este trong môi trường axit gọi là phản ứng xà phòng hóa.

**C.** Chất béo là hợp chất thuộc loại trieste.

**D.** Phản ứng thủy phân este trong môi trường kiềm là phản ứng một chiều.

1. Số đồng phân este có công thức phân tử là C4H8O2 là

**A.** 3 **B.** 6 **C.** 4 **D.** 5

1. Cho các polime sau: poli(isopren), tinh bột, xenlulozơ, cao su lưu hóa. Số polime có cấu trúc mạng không gian là

**A.** 1.  **B.** 2.  **C.** 3.  **D.** 4

1. Thí nghiệm nào sau đây **không** tạo ra hỗn hợp đồng nhất?

**A.** Ngâm một mẩu nhỏ poli(vinyl clorua) trong dung dịch HCl.

**B.** Cho glyxin vào dung dịch NaOH.

**C.** Cho anilin lỏng vào dung dịch HCl dư.

**D.** Ngâm một mẩu nhỏ polibutađien trong benzen dư.

1. Thủy phân đến cùng protein thu được

**A.** Glucozơ. **B.** Amino axit. **C.** Chất béo. **D.** Axit béo.

1. Dung dịch đường dùng để tiêm hoặc truyền vào tĩnh mạch bệnh nhân là

**A.** Glucozơ. **B.** Fructozơ. **C.** Amilozơ. **D.** Saccarozơ.

1. Hai kim loại X, Y và dung dịch muối tương ứng có các phản ứng hóa học theo sơ đồ sau:

(1) X + 2Y3+  X2+ + 2Y2+ và (2) X2+ + Y  Y2+ + X. Kết luận nào sau đây đúng ?

**A.** Y2+ có tính oxi hóa mạng hơn X2+. **B.** X khử được ion Y2+.

**C.** Y3+ có tính oxi mạnh hơn X2+. **D.** X có tính khử mạnh hơn Y.

1. Cho các chất sau NH3, CH3CH2NH2, C6H5NH2, H2NCH2COOH. Chất nào có lực bazơ mạnh nhất ?

**A.** C6H5NH2**B.** CH3CH2NH2. **C.** H2NCH2COOH. **D.** NH3.

1. Nhận định nào sau đây về amino axit **không** đúng ?

**A.** Tương đối dễ tan trong nước. **B.** Có tính chất lưỡng tính.

**C.** Ở điều kiện thường là chất rắn. **D.** Dễ bay hơi.

1. Tráng bạc hoàn toàn m gam glucozơ thu được 43,2 gam Ag. Nếu lên men rượu hoàn toàn m gam glucozơ rồi cho toàn bộ khí CO2 tạo thành vào nước vôi trong dư thì lượng kết tủa thu được là

**A.** 20 gam. **B.** 40 gam. **C.** 80 gam. **D.** 60 gam.

1. Hỗn hợp X chứa alanin và axit glutamic. Cho m gam X phản ứng hoàn toàn với NaOH (dư), thu được dung dịch Y chứa (m+30,8) gam muối. Mặt khác, m gam X phản ứng vừa đủ với dung dịch HCl, thu được dung dịch Z chứa (m+36,5) gam muối. Giá trị của m là:

**A.** 165,6. **B.** 123,8. **C.** 171,0. **D.** 112,2.

1. Cho 0,2 mol -amino axit X (có dạng H2NRCOOH) phản ứng vừa đủ với dung dịch NaOH thu được 22,2 gam muối khan. Phân tử khối của X là

**A.** 89. **B.** 75. **C.** 117. **D.** 146.

1. Hoàn tan hoàn toàn m gam hỗn hợp Mg và MgO (tỉ lệ mol tương ứng 3:2) cần dùng vửa đủ 400 ml dung dịch hai axit HCl 0,6M và H2SO4 0,45M. Giá trị của m là

**A.** 7,68. **B.** 10,08. **C.** 9,12. **D.** 11,52.

1. Xà phòng hóa hoàn toàn m gam chất béo trung tính bằng dung dịch KOH thu được 18,77 gam muối. Nếu thay dung dịch KOH bằng dung dịch NaOH thu được 17,81 gam muối. Giá trị m là

**A.** 18,36. **B.** 17,25. **C.** 17,65. **D.** 36,58.

1. Cho hỗn hợp X gồm hai hợp chất hữu cơ đơn chức phản ứng vừa đủ với 500 ml dung dịch KOH 1M, thu được hỗn hợp gồm hai muối của hai axit cacboxylic và một ancol Y. Toàn bộ lượng Y tác dụng với Na dư, thu được 3,36 lít H2 (đktc). X gồm

**A.** Một este và một ancol. **B.** Hai este.

**B.** Một axit và một ancol. **D.** Một axit và một este.

1. Thủy phân hoàn toàn peptit X mạch hở chỉ thu được glyxin. Đốt cháy hoàn toàn 0,1 mol X thu được 12,6 gam nước. Số nguyên tử oxi có trong một phân tử X là

**A.** 5. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**  **ĐỀ CHÍNH THỨC** | **KIỂM TRA HỌC KỲ I – Năm học 2017 – 2018**  **Môn: Hóa học - Lớp 12 THPT** |
| **Thời gian :** **45 phút** *(không kể thời gian giao đề).*  *Số câu trả lời trắc nghiệm : 30 câu (đề có 03 trang)* |

*Học sinh làm bài bằng cách chọn và tô kín một ô tròn trên* ***Phiếu trả lời trắc nghiệm*** *tương ứng với phương án trả lời đúng của mỗi câu.*

|  |
| --- |
| **Mã đề 376** |

**Họ và tên thí sinh:……………………………………… Lớp:……………………………………….**

**Số báo danh: …………………. Phòng thi: …………... Trường: THPT ……………………………**

***Cho nguyên tử khối của các nguyên tố:***

***H =1, C = 12, N = 14, O = 16, Na = 23, Mg = 24, Al = 27, S =32, Cl = 35,5, K = 39, Ca = 40, Cr = 52, Fe=56, Cu = 64, Zn = 65, Ag = 108, Ba=137.***

1. Polime nào sau đây là polime thiên nhiên?

**A.** Polietilen. **B.** Cao su isopren. **C.** Tơ tằm. **D.** Nilon-6,6.

|  |
| --- |
|  |

1. Cho các dung dịch: glucozơ, fructozơ, saccarozơ, hồ tinh bột. Số dung dịch hòa tan được Cu(OH)2 là

**A.** 1. **B.** 3. **C.** 2. **D.** 4.

|  |
| --- |
|  |

1. Chất X có các đặc điểm sau: phân tử có nhóm OH, vị ngọt, hòa tan Cu(OH)2 ở nhiệt độ thường, không làm mất màu nước brom. Chất X là

**A.** Glucozơ. **B.** Tinh bột. **C.** Xenlunozơ. **D.** Saccarozo.

1. Loại vật liệu nào sau đây chứa nguyên tố nitơ ?

**A.** Cao su buna. **B.** Poli(vinyl clorua). **C.** tơ visco. **D.** tơ nilon–6.

|  |
| --- |
|  |

1. Polime X tạo thành từ sản phẩm của phản ứng đồng trùng hợp stiren và buta-1,3-đien. Chất X là

**A.** polistriren. **B.** polibutađien. **C.** cao su buna-N. **D.** cao su buna – S.

|  |
| --- |
|  |

1. Cho vào ống nghiệm 4 ml dung dịch lòng trắng trứng, 1ml dung dịch NaOH 10% và vài giọt dung dịch CuSO4 2%, lắc nhẹ thì xuất hiện

**A.** Kết tủa màu vàng. **B.** Dung dịch không màu.

**C.** Hợp chất màu tím. **D.** Dung dịch màu xanh lam.

|  |
| --- |
|  |

1. Nhận định nào sau đây đúng ?

**A.** Trùng ngưng 3 phân tử amino axit thu được tripeptit.

**B.** Thủy phân tripeptit thu được 2 amino axit khác nhau.

**C.** Thủy phân hoàn toàn peptit thu được -amino axit.

**D.** Các protein đều dễ tan trong nước.

|  |
| --- |
|  |

1. Dung dịch nào sau đây làm quỳ hóa hồng

**A.** H2NCH2COOH. **B.** H2N(CH2)4CH(NH2)COOH.

**C.** HOOC(CH2)2CH(NH2)COOH. **D.** H2NCH(CH3)COOH.

|  |
| --- |
|  |

1. Este X được tạo thành từ axit axetic và ancol metylic có công thức phân tử là

**A.** C4H8O2.**B.** C4H10O2.**C.** C2H4O2. **D.** C3H6O2

|  |
| --- |
|  |

1. Phát biểu nào sau đây đúng?

**A.** Mỡ động vật chủ yếu cấu thành từ các gốc axit béo chưa no.

**B.** Dầu mỡ sau khi rán có thể đường dùng để tái chế thành nhiên liệu.

**C.** Chất béo tan tốt trong nước và trong dung dịch axit clohiđric.

**D.** Hiđro hóa dầu thực vật lỏng thu được mỡ động vật rắn.

|  |
| --- |
|  |

1. Chất nào sau đây **không** có phản ứng thủy phân?

**A.** Fructozo. **B.** Triolein. **C.** Saccarozo. **D.** Xenlunozo.

|  |
| --- |
|  |

1. Nhận định nào sau đây đúng?

**A.** Các amin đều phản ứng với dung dịch HCl.

**B.** Các amin đều tan tốt trong nước.

**C.** Số nguyên tử H của amin đơn chức là số chẵn.

**D.** Các amin đều làm quỳ tím hóa xanh.

|  |
| --- |
|  |

1. Amin nào sau đây là amin bậc ba ?

**A.** (C6H5)2NH. **B.** (CH3)2CHNH2. **C.** (CH3)3N.**D.** (CH3)3CNH2.

|  |
| --- |
|  |

1. Chất nào sau đây thuộc loại đissaccarit?

**A.** Tinh bột **B.** Fructozơ. **C.** Saccarozơ. **D.** Xenlunozơ.

1. Phát biểu nào sâu đây **không** đúng ?

**A.** Chất béo có nhiều ứng dụng trong đời sống.

**B.** Phản ứng thủy phân este trong môi trường axit gọi là phản ứng xà phòng hóa.

**C.** Chất béo là hợp chất thuộc loại trieste.

**D.** Phản ứng thủy phân este trong môi trường kiềm là phản ứng một chiều.

|  |
| --- |
|  |

1. Số đồng phân este có công thức phân tử là C4H8O2 là

**A.** 3 **B.** 6 **C.** 4 **D.** 5

|  |
| --- |
|  |

1. Cho các polime sau: poli(isopren), tinh bột, xenlulozơ, cao su lưu hóa. Số polime có cấu trúc mạng không gian là

**A.** 1.  **B.** 2.  **C.** 3.  **D.** 4

1. Thí nghiệm nào sau đây **không** tạo ra hỗn hợp đồng nhất?

**A.** Ngâm một mẩu nhỏ poli(vinyl clorua) trong dung dịch HCl.

**B.** Cho glyxin vào dung dịch NaOH.

**C.** Cho anilin lỏng vào dung dịch HCl dư.

**D.** Ngâm một mẩu nhỏ polibutađien trong benzen dư.

|  |
| --- |
|  |

1. Thủy phân đến cùng protein thu được

**A.** Glucozơ. **B.** Amino axit. **C.** Chất béo. **D.** Axit béo.

1. Dung dịch đường dùng để tiêm hoặc truyền vào tĩnh mạch bệnh nhân là

**A.** Glucozơ. **B.** Fructozơ. **C.** Amilozơ. **D.** Saccarozơ.

1. Hai kim loại X, Y và dung dịch muối tương ứng có các phản ứng hóa học theo sơ đồ sau:

(1) X + 2Y3+  X2+ + 2Y2+ và (2) X2+ + Y  Y2+ + X. Kết luận nào sau đây đúng ?

**A.** Y2+ có tính oxi hóa mạng hơn X2+. **B.** X khử được ion Y2+.

**C.** Y3+ có tính oxi mạnh hơn X2+. **D.** X có tính khử mạnh hơn Y.

|  |
| --- |
|  |

1. Cho các chất sau NH3, CH3CH2NH2, C6H5NH2, H2NCH2COOH. Chất nào có lực bazơ mạnh nhất ?

**A.** C6H5NH2**B.** CH3CH2NH2. **C.** H2NCH2COOH. **D.** NH3.

|  |
| --- |
|  |

1. Nhận định nào sau đây về amino axit **không** đúng ?

**A.** Tương đối dễ tan trong nước. **B.** Có tính chất lưỡng tính.

**C.** Ở điều kiện thường là chất rắn. **D.** Dễ bay hơi.

1. Tráng bạc hoàn toàn m gam glucozơ thu được 43,2 gam Ag. Nếu lên men rượu hoàn toàn m gam glucozơ rồi cho toàn bộ khí CO2 tạo thành vào nước vôi trong dư thì lượng kết tủa thu được là

**A.** 20 gam. **B.** 40 gam. **C.** 80 gam. **D.** 60 gam.

|  |
| --- |
|  |

1. Hỗn hợp X chứa alanin và axit glutamic. Cho m gam X phản ứng hoàn toàn với NaOH (dư), thu được dung dịch Y chứa (m+30,8) gam muối. Mặt khác, m gam X phản ứng vừa đủ với dung dịch HCl, thu được dung dịch Z chứa (m+36,5) gam muối. Giá trị của m là:

**A.** 165,6. **B.** 123,8. **C.** 171,0. **D.** 112,2.

|  |
| --- |
|  |

1. Cho 0,2 mol -amino axit X (có dạng H2NRCOOH) phản ứng vừa đủ với dung dịch NaOH thu được 22,2 gam muối khan. Phân tử khối của X là

**A.** 89. **B.** 75. **C.** 117. **D.** 146.

|  |
| --- |
|  |

1. Hoàn tan hoàn toàn m gam hỗn hợp Mg và MgO (tỉ lệ mol tương ứng 3:2) cần dùng vửa đủ 400 ml dung dịch hai axit HCl 0,6M và H2SO4 0,45M. Giá trị của m là

**A.** 7,68. **B.** 10,08. **C.** 9,12. **D.** 11,52.

|  |
| --- |
|  |

1. Xà phòng hóa hoàn toàn m gam chất béo trung tính bằng dung dịch KOH thu được 18,77 gam muối. Nếu thay dung dịch KOH bằng dung dịch NaOH thu được 17,81 gam muối. Giá trị m là

**A.** 18,36. **B.** 17,25. **C.** 17,65. **D.** 36,58.

|  |
| --- |
|  |

1. Cho hỗn hợp X gồm hai hợp chất hữu cơ đơn chức phản ứng vừa đủ với 500 ml dung dịch KOH 1M, thu được hỗn hợp gồm hai muối của hai axit cacboxylic và một ancol Y. Toàn bộ lượng Y tác dụng với Na dư, thu được 3,36 lít H2 (đktc). X gồm

**A.** Một este và một ancol. **B.** Hai este.

**B.** Một axit và một ancol. **D.** Một axit và một este.

|  |
| --- |
|  |

1. Thủy phân hoàn toàn peptit X mạch hở chỉ thu được glyxin. Đốt cháy hoàn toàn 0,1 mol X thu được 12,6 gam nước. Số nguyên tử oxi có trong một phân tử X là

**A.** 5. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

|  |
| --- |
|  |